CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, DOANH THU, LỢI NHUẬN NĂM 2026

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	KH/TH (%)
A	**SẢN XUẤT KINH DOANH**				
I	**Khối lượng sản xuất**				
1	Tro bay SCL-Fly ash ẩm	Tấn	236.660	475.000	200,7%
2	Than ẩm (sau tuyển tro xỉ)	Tấn	65.613	120.000	182,9%
3	Tro bay SCL- Fly ash khô rời	Tấn	364.200	535.000	146,9%
4	Tro bay SCL-Fly ash khô bao jumbo	Tấn	15.690	130.000	828,5%
5	Gạch nhẹ, Tấm panel (các loại)	M3	154.722	280.000	181,0%
6	Vữa khô trộn sẵn SCL (các loại)	Tấn	442.979	550.000	124,2%
7	Keo dán gach SCL (các loại)	Tấn	12.259	20.000	163,2%
II	**Tổng Doanh thu công ty**	**1000đ**	**620.702.130**	**998.830.000**	160,9%
II.1	**Doanh thu sản xuất kinh doanh**	**1000đ**	**596.119.937**	**985.530.000**	165,3%
1	Tro bay SCL-Fly ash ẩm	1000đ	381.065	4.000.000	1049,7%
2	Than ẩm (sau tuyển tro xỉ)	1000đ	38.542.899	67.300.000	174,6%
3	Tro bay SCL- Fly ash khô rời	1000đ	39.459.355	63.750.000	161,6%
6	Tro bay SCL-Fly ash khô bao jumbo	1000đ	11.844.011	43.875.000	370,4%
7	Gạch nhẹ, Tấm panel (các loại)	1000đ	219.961.522	372.600.000	169,4%
9	Vữa khô trộn sẵn SCL (các loại)	1000đ	255.099.520	385.005.000	150,9%
11	Keo dán gach SCL (các loại)	1000đ	30.831.565	49.000.000	158,9%
II.2	**Doanh thu sản phẩm, dịch vụ khác**	**1000đ**	**22.461.978**	**10.800.000**	48,1%
II.3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**1000đ**	**1.454.226**	**1.500.000**	103,1%
II.4	**Thu nhập khác**	**1000đ**	**665.989**	**1.000.000**	150,2%
III	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**1000đ**	**46.351.675**	**65.500.000**	141,3%
IV	**Tổng chi phí**	**1000đ**	**493.268.848**	**826.830.000**	167,6%
V	**Lợi nhuận trước thuế (V=II-III-IV)**	**1000đ**	**81.081.607**	**106.500.000**	131,3%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1000đ	16.796.979	21.300.000	126,8%
VI	**Lợi nhuận sau thuế**	**1000đ**	**64.284.627**	**85.200.000**	132,5%
	Lỗ/lãi lũy kế các năm trước	1000đ	979.870		0,0%
VII	**Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế**	**1000đ**	**65.264.498**	**85.200.000**	130,5%

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	KH/TH (%)
VIII	**Trích lập các quỹ**	**1000đ**	**9.789.675**	**12.780.000**	130,5%
1	Trích quỹ phúc lợi (5%)	1000đ	3.263.225	4.260.000	130,5%
2	Trích quỹ khen thưởng (5%)	1000đ	3.263.225	4.260.000	130,5%
3	Quỹ thưởng BĐH Công ty (5%)	1000đ	3.263.225	4.260.000	130,5%
IX	**Lợi nhận sau thuế còn lại chia cổ tức**	**1000đ**	**55.474.823**	**72.420.000**	130,5%
*	**Lợi nhuận chia cổ tức**	**1000đ**	**55.093.388**	**71.297.325**	129,4%
1	Tỷ lệ chia cổ tức	%	17,0	22,0	129,4%
2	Số tiền chia cổ tức/CP	Đồng	1.700	2.200	129,4%
*	***Đánh giá một số chỉ tiêu cơ bản***				
1	Tỷ suất LNTT/ Tổng doanh thu	%	13,1%	10,7%	81,6%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	19,8%	26,3%	132,5%
3	Lãi cơ bản/cổ phiếu	1000đ	1,98	2,63	132,5%
B	**ĐẦU TƯ**	**1000đ**	**254.578.806**	**370.000.000**	145,3%
1	Đầu tư tài sản tại Chí Linh	1000đ	32.383.401	330.000.000	1019,0%
2	Đầu tư tài sản tại Vĩnh Hảo	1000đ	222.195.405	40.000.000	18,0%
C	**LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG**				
I	**Lao động**				
1	Tổng số lao động trong toàn Công ty	Người	370	629	170,0%
1,1	*Lao động gián tiếp*	*Người*	83	96	115,7%
1,2	*Lao động trực tiếp sản xuất*	*Người*	287	533	185,7%
II	**Tiền lương**				
1	Tổng quỹ lương và tính chất lương	Tỷ đ	64,6	115,48	178,7%
2	Thu nhập BQ của người lao động	Tr/ng/t	14,6	15,30	105,1%